TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Hoa
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Bé Hai

  Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Trọng Nhân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 435/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Hồng T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án nguyên đơn chị Dương Thị Hồng T trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2004. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã T, huyện C ngày 24/6/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng. Đến năm 2009 vợ chồng ra sống riêng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong gia đình. Anh L ít quan tâm đến gia đình, chị T vừa làm vừa phải chăm lo cho các con và lo cho gia đình nhưng anh L không quan tâm mà còn cằn nhằn, nói chị T chỉ biết ăn bám, xài tiền. Anh L đem tiền về nhà cha mẹ gửi, mỗi lần con bệnh, cần tiền thì chị T phải đi vay mượn. Chị T đã nhiều lần nói chuyện, khuyên ngăn nhưng anh L cũng không chịu thay đổi. Anh L thường xuyên chửi mắng chị T, chửi không cần biết lý do, nguyên nhân do đâu, vợ chồng cứ cự cãi với nhau về chuyện kinh tế trong gia đình.

Trong thời gian sống chung, anh L thường xuyên nhậu, say sĩn thì kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị T. Vì thấy các con còn nhỏ nên thời gian qua chị T đã chịu đựng nhưng anh L thấy chị T cam chịu thì lấn tới. Các con cũng đã lớn, thấy cha mẹ thường xuyên cự cải, cuộc sống gia đình cũng không có hạnh phúc cũng ảnh hưởng đến các con. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, anh L không tôn trọng chị T, thường xuyên chửi mắng, chị T không thể chịu đựng để tiếp tục sống chung với nhau nên chị T quyết định ly hôn. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

- Về con chung: Có 03 con chung tên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 18/8/2005, Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 21/9/2015. Hiện đang sống chung với cha mẹ. Khi ly hôn chị T yêu câu được nuôi 03 con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: chị T đồng ý giao 03 con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng với số tiền bằng ½ mức lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là Nguyễn Tấn L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- 01 Trích lục kết hôn số 677/2020/TLKH-BS Dương Thị Hồng T – Nguyễn Tấn L, ngày đăng ký kết hôn 24/6/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Bản sao).

- 01 Giấy khai sinh Nguyễn Thị Ngọc T1 (Bản photo)

- 01 Giấy khai sinh Nguyễn Thị Ngọc H (Bản sao)

- 01 Giấy khai sinh Nguyễn Tấn L1 (Bản sao)

- Văn bản ghi ý kiến Nguyễn Thị Ngọc T1, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Tấn L1.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai tại phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 17/7/2023, đã được thông báo cho đương sự vắng mặt được biết, không có ý kiến gì và không có yêu cầu sao chụp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Hồng T về việc ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh Nguyễn Tấn L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung và tài sản chung" theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Nguyên đơn chị Dương Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), anh Nguyễn Tấn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện chị T đồng ý giao 03 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

- Về hôn nhân: Đối với yêu cầu của chị Dương Thị Hồng T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Tấn L là có căn cứ, bởi lẽ: chị T và anh L sống chung sống chung với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ngày 24/6/2005 nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau (từ năm 2009) thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh L không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chửi và đánh chị T, chị T nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Hồng T.

- Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung tên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 18/8/2005, Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 21/9/2015. Khi ly hôn chị T đồng ý giao các con chung cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời tại tại văn bản ý kiến của cháu H, cháu T1 và cháu L1 thì khi cha mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với anh L, nên chị T đồng ý để các con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung với mỗi cháu hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2023. Xét thấy đây là sự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Hồng T.

Chị Dương Thị Hồng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[5]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000955 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng T.

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

- Về con chung:

Anh Nguyễn Tấn L được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 18/8/2005, Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 21/9/2015.

Chị Dương Thị Hồng T cấp dưỡng các nuôi con chung với mỗi cháu hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở tùy từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Dương Thị Hồng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Dương Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai số 0000955 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Số tiền chị T còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Kim Hoa